TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƯ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HS-ST
Ngày: 15-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Hải

Bà Lê Thị Bảy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân tham gia phiên tòa: Ông Lê Anh Ngọc - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2018/TLST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **Mai Xuân Q**, sinh ngày 17/4/1982 tại huyện S, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Xóm 1, xã B, huyện S, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Xuân H và bà Hà Thị G; có vợ là Lê Thị N và 03 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2015; tiền án: Ngày 20/11/2009, bị Tòa án nhân dân huyện S xử phạt 5.000.000đ về tội "Đánh bạc" (chấp hành xong ngày 16/9/2013); Ngày 15/01/2014, bị Tòa án nhân dân huyện S xử phạt 30 tháng tù về tội "Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản" (chấp hành xong hình phạt ngày 28/4/2017); tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/01/2018. Có mặt.

2. **Lê Ngọc H**, sinh ngày 23/6/1988 tại huyện S, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn D, xã H, huyện S, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc Q và bà Lại Thị T; có vợ là Nguyễn Thị H và 01 con, sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 24/7/2014, bị Tòa án nhân dân huyện S xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (chấp hành xong hình phạt ngày 01/6/2015); bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/01/2018. Có mặt.

3. **Lê Hữu D**, sinh ngày 06/01/1994 tại huyện S, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn D, xã H, huyện S, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học

vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hữu Q và bà Phạm Thị D; có vợ là Phạm Thị B; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 11/01/2018. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 20 phút ngày 05/01/2018, tổ công tác Công an phân trại số 6 - Trại giam Thanh Lâm - Tổng cục VIII - Bộ Công an đang tuần tra, kiểm soát khu vực Trại giam thì phát hiện một xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato màu đen, biển kiểm soát 36A-200.02 lưu thông trên đường Hồ Chí Minh, hướng thị trấn Yên Cát đi Nghệ An, đi qua cổng phân trại khoảng 500m thì dừng lại ở điểm giao cắt giữa đường Hồ Chí Minh và đường đi vào phân trại số 6 - Trại giam Thanh Lâm. Khi xe dừng, Lê Ngọc H bước từ trên xe xuống đi vào trong lề đường và trao đổi với một người nam thanh niên đứng đợi sẵn và có vứt một vật nhỏ xuống cạnh người thanh niên đó, cùng lúc này Mai Xuân Q cũng bước xuống xe đi lại vị trí H và người thanh niên đang đứng. Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra, khi thấy tổ công tác cả ba người cùng bỏ chạy, tổ công tác đã bắt giữ được H và Q. Kiểm tra vị trí H vứt đồ phát hiện một gói nilon màu trắng, bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng nghi là ma túy. H đã khai nhận là ma túy đá của Q đưa để bán cho người thanh niên lạ mang vào khu vực trại giam. Tổ công tác đã yêu cầu H, Q và lái xe BKS 36A-200.02 là Lê Văn Y về trụ sở phân trại 6 để làm việc. Quá trình làm việc Q đã tự giác lấy hai gói nilon màu trắng chứa các hạt tinh thể màu trắng từ trong một chiếc ví da để trong túi quần sau bên phải Q đang mặc để giao nộp cho cán bộ Trại giam Thanh Lâm. Q khai các hạt tinh thể màu trắng trong hai gói nilon vừa giao nộp và gói nilon đưa cho H đều là ma túy đá. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang; niêm phong ba gói nilon chứa các hạt tinh thể màu trắng tạm giữ của H và Q, đồng thời chuyển hồ sơ, bàn giao người bị bắt cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Như Xuân xác minh, điều tra theo thẩm quyền.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Như Xuân đã ra Quyết định trưng cầu giám định số: 16 ngày 06/01/2018 đối với số tang vật thu giữ nêu trên. Tại kết luận giám định số: 214/MT-PC54 ngày 08/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Các hạt tinh thể màu trắng của phong bì niêm phong ký hiệu M1 (tạm giữ của H) gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 1,290g, loại Methamphetamine;

- Các hạt tinh thể màu trắng của phong bì niêm phong ký hiệu M2 (tạm giữ của Q) gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 0,612g, loại Methamphetamine (BL 20 -> 24).

Quá trình điều tra, Mai Xuân Q khai nhận: Khoảng cuối tháng 12/2017 có hai người tự xưng là Đ và T đang chấp hành án tại phân trại số 6 - Trại giam Thanh Lâm liên lạc với Q qua điện thoại và hỏi mua 4.500.000đ ma túy đá. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 05/01/2018, Q liên lạc với Lê Hữu D bằng điện thoại di động để nhờ mua 3.000.000đ ma túy đá, D trả lời: Nếu lấy 3.000.000đ thì lên đến S phải trả thêm

500.000đ tiền xe, tổng cộng là 3.500.000đ. Sau đó Q gọi điện cho Lê Ngọc H rủ H đi việc cùng với Q. Khoảng 15 giờ cùng ngày, Q nhờ một người bạn đi xe máy chở đến nhà D ở thôn D, xã H, huyện S, tỉnh Thanh Hóa. Q hỏi D là ma túy đến đâu rồi, D trả lời là đang trên đường lên. Q ngồi chơi khoảng 30 phút thì D bảo Q đưa tiền, Q đưa cho D số tiền 3.500.000đ gồm bảy tờ tiền mệnh giá 500.000đ. D lấy chiếc xe máy đang để ở sân nhà đi ra ngoài khoảng 20 phút rồi quay về. Về đến nhà D đưa cho Q một gói ma túy đá, Q đưa lại gói ma túy cho D và nhờ D chia thành một gói to và hai gói nhỏ. D lấy vỏ gói bông ngoáy tai cắt ra lấy để chia ma túy đá, D lấy vỏ gói tăm bông ngoáy tai cắt lấy hai gói nhỏ và trút một phần ma túy trong gói ban đầu ra hai gói nhỏ; chia ma túy xong D đưa hết lại cho Q, Q cầm ma túy bỏ vào trong ví và để một gói ma túy lại giường cho vào "cóng" tự chế. Sau đó, Q cùng với D, H, P (là bạn Q) và một người đến sau Q không quen biết cùng sử dụng ma túy ngay tại nhà D; sau đó Q nhờ D gọi cho một chiếc xe taxi; sử dụng ma túy xong, Q cầm gói ma túy còn lại để trên giường, dùng bật lửa hàn mép lại và cho vào ví. Khoảng 20 phút sau, ô tô đến cổng nhà D đón khách, Q và H lên xe đi, xe đi được một đoạn thì H hỏi Q đi đâu, Q bảo đi lên Thanh Lâm lấy tiền. Khi xe đi đến phân trại số 6 - Trại giam Thanh Lâm, Q gọi điện cho phạm nhân T, T bảo với Q là đã cho người ra đường vào lô 31 đợi, Q gặp người đó đưa ma túy rồi lấy tiền. Khi xe đi qua cổng phân trại khoảng 500m thì thấy một người thanh niên đang đứng ở đầu đường đi vào lô 31, Q bảo lái xe dừng lại. Q lấy trong ví ra một gói ma túy đá rồi đưa cho H bảo H đưa cho người thanh niên đang đứng đợi rồi lấy 4.500.000đ cho Q. H cầm gói ma túy xuống xe đi về phía người thanh niên đang đứng, Q ngồi trong xe đợi khoảng 5 phút, thấy lâu nên Q đã xuống xe gọi H. Lúc này, cán bộ Trại giam Thanh Lâm phát hiện, Q bỏ chạy và bị bắt lại. Qua kiểm tra, tổ công tác đã phát hiện, thu giữ gói ma túy đá Q đưa cho H trong bụi cây ven đường. Tại trụ sở phân trại số 6, Q đã tự giác giao nộp hai gói ma túy còn lại trong ví cho cán bộ Trại giam Thanh Lâm (BL 120 -> 146).

Lê Ngọc H khai nhận: Khoảng 14 giờ ngày 05/01/2018 H đang đi câu cá ở gần nhà thì Q gọi điện bảo H đi việc với Q, lúc nào đi thì Q gọi lại. Sau đó, H về nhà và đến nhà Lê Hữu D chơi. Khoảng 15 giờ cùng ngày thì Q gọi điện cho H hỏi đang ở đâu, H trả lời là đang ở nhà D. Khoảng 10 phút sau Q được một người đi xe máy chở đến nhà D. Q vào phòng ở của D và lên giường nằm cùng với H và P (là bạn của D). Một lúc sau H ra ngoài sân nghe điện thoại của vợ gọi đến. Khi đang nghe điện thoại thì H thấy D lấy xe máy đi ra ngoài một lúc rồi quay về. Nghe điện thoại xong H vào phòng D thì thấy Q, D và P đang ngồi trên giường chuẩn bị sử dụng ma túy đá, Q cầm trên tay một gói ma túy đá và có một bộ dụng cụ tự chế sử dụng ma túy đá để trên giường. H cùng tham gia sử dụng ma túy, H có hỏi Q là lấy ma túy ở đâu, Q trả lời là ma túy đá Q nhờ D mua. Trong khi sử dụng ma túy đá thì có một nam thanh niên H không quen biết đến cùng sử dụng ma túy đá. Q nhờ D gọi hộ cho Q một chiếc xe. Khi xe đến thì H và Q lên xe đi, đi được khoảng 2km thì H hỏi Q đi đâu, Q trả lời là đi lên Thanh Lâm lấy tiền. Khoảng 17 giờ, khi xe đi đến gần phân trại số 6 - Trại giam Thanh Lâm thì Q bảo lái xe đi chậm lại, đi qua cổng phân trại khoảng 500m, Q lấy từ trong ví ra một gói ma túy đá đưa cho H và bảo H cầm gói ma túy đá đưa cho một nam thanh niên đang đứng ở đầu đường đất giao nhau với

đường Hồ Chí Minh và lấy cho Q 4.500.000đ. Lúc này, H đã biết gói nilon là ma túy đá, do H sử dụng ma túy nhiều lần nên biết. Khi xe dừng lại H xuống xe đi về phía người thanh niên, trên đường đi H vứt gói ma túy đá xuống đất và đi lại gần người thanh niên nói là em của Q và bảo người thanh niên đưa 4.500.000đ. H nói với người thanh niên hai lần, nhưng người thanh niên đang nghe điện thoại nên không nói gì. H quay lại định gọi Q đến lấy tiền thì lực lượng Công an xuất hiện. H bỏ chạy được khoảng 3m thì bị bắt. Sự việc xảy ra giống như Q khai ở trên (BL 147 -> 171).

Đối với Lê Hữu D: Ngày 09/01/2018, khi được Cơ quan điều tra triệu tập làm việc, ban đầu D khai không mua ma túy cho Q. Do mâu thuẫn giữa lời khai của D và Q, ngày 10/01/2018, Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa D và Q, trong buổi đối chất D đã khai nhận chiều ngày 05/01/2018, Q đến nhà D để nhờ D mua ma túy và đưa cho D số tiền là 3.500.000đ, D đã dùng số tiền trên để mua hộ cho Q một gói ma túy đá. Trong các buổi ghi lời khai ngày 10, 11/01/2018 và buổi hỏi cung bị can ngày 12/01/2018, D đều khai nhận về việc mua hộ ma túy cho Q có nội dung như sau: Khoảng 13 giờ 45 phút ngày 05/01/2018, Q liên lạc với D bằng điện thoại di động để nhờ mua 3.000.000đ ma túy đá, D đồng ý. Sau đó, D gọi điện cho một người tên là T ở thành phố Thanh Hóa, người này trả lời: Nếu lấy 3.000.000đ thì lên đến nơi phải trả thêm 500.000đ tiền xe, tổng là 3.500.000đ. Khoảng 15 giờ Q được một người đi xe máy chở đến nhà D, lúc này có H và P cũng đang ở đấy. Đến 15 giờ 45 phút cùng ngày, người đàn ông tên T gọi điện lại cho D bảo D cầm tiền ra Ngã tư đường tàu để lấy ma túy, D lại chỗ Q lấy 3.500.000đ gồm bảy tờ tiền mệnh giá 500.000đ rồi lấy chiếc xe máy Vision màu đen nhám, BKS 36B5- 538.12 của mẹ D đang để ở sân đi đến Ngã tư đường tàu thấy một chiếc xe ô tô đang đỗ ở đấy. D lại gần đưa tiền qua cửa kính xe ô tô, người trong xe cầm tiền rồi bảo D đi ra cầu Đồng Hàn thuộc xã Hợp Tiến lấy bao thuốc lá Thăng Long đang giắt ở khe lan can cầu. D làm theo lời và đi lấy bao thuốc lá Thăng long rồi quay lại trường mầm non xã H đón cháu (con của anh trai D). Khoảng 16 giờ về đến nhà, D đưa lại cho Q bao thuốc lá Thăng Long, Q bóc bao thuốc lá lấy gói ma túy đá nhờ D chia hộ, D lấy vỏ gói bông ngoáy tai cắt lấy hai gói nhỏ và trút một phần ma túy trong gói ma túy ban đầu ra hai gói nhỏ. Chia ma túy xong D đưa hết lại cho Q, Q cầm ma túy bỏ vào trong ví và để một gói ma túy đá lại giường; sau đó H lấy một ít trong gói ma túy đang ở trên giường cho vào "cóng" tự chế để Q, D, H, P và một người bạn của D tên là S ở huyện Hậu Lộc đến sau sử dụng. Sau đó, Q nhờ D gọi một chiếc xe taxi, D gọi cho Y ở gần nhà đến đón khách, khoảng 20 phút sau xe đến, Q và H lên xe đi. Sau đó họ bị bắt thế nào thì D không biết (BL 183 -> 197).

Quá trình điều tra, Lê Hữu D đã thay đổi lời khai, D khai lại là không mua hộ ma túy cho Q, nội dung khai lại của D như sau: Ngày 05/01/2018, Q có gọi điện cho D để nhờ D mua 3.000.000đ ma túy. Khoảng 15 giờ cùng ngày, Q đến nhà D, sau khi D hỏi giá và trả lời Q giá một hộp ma túy là 3.500.000đ thì Q không nói gì tỏ vẻ chê đắt. Khoảng 16 giờ cùng ngày, D lấy chiếc xe máy Vision màu đen nhám, BKS 36B5- 538.12 của mẹ D đang để ở sân đi đón cháu tại trường mầm non xã H. Khi về đến nhà, D vừa bước vào phòng thì Q rút ví ra đưa cho D một gói ma túy đá và số tiền 3.500.000đ, Q nhờ D chia hộ ma túy đá. D để trên giường và đi lấy gói bông

ngoáy tai cắt và chia gói ma túy Q vừa đưa thành hai gói. Trong khi D đang chia ma túy thì Q lấy lại tiền. Chia ma túy xong D đưa lại cho Q. Sau đó, D, Q, H, P và Sơn là người đến sau cùng sử dụng ma túy đá tại nhà D. Q nhờ D gọi một chiếc xe taxi, D gọi Y ở gần nhà đến đón khách, khoảng 20 phút sau xe đến, Q và H lên xe đi. Việc D khai nhận đã mua hộ cho Q một gói ma túy đá với giá là 3.500.000đ trong những lời khai trước đây là khai trong trạng thái tinh thần không tỉnh táo (BL 198 -> 210).

Khi Cơ quan điều tra kết luận điều tra, đề nghị truy tố và chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát. Trong giai đoạn truy tố, Lê Hữu D muốn khai lại về hành vi phạm tội của mình vào ngày 05/01/2018 do D chưa nhận thức rõ về hành vi phạm tội của mình và cho rằng D không nhận việc mua hộ và chia hộ ma túy cho Q sẽ không phạm tội. Vào các ngày 26, 28/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân đã tiến hành làm việc, phúc cung đối với D. Quá trình phúc cung, D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như lời khai ban đầu của D tại Cơ quan điều tra trước khi thay đổi lời khai, cụ thể như sau: Vào khoảng 13 giờ 45 phút ngày 05/01/2018, Q có nhờ D mua hộ 3.000.000đ ma túy đá, D đã liên hệ với một người đàn ông tên là T ở thành phố Thanh Hóa để mua ma túy đá; người đàn ông tên Tuấn trả lời là: Nếu lên S thì phải 3.500.000đ; D trao đổi lại với Q, Q đồng ý. Đến 15 giờ 45 phút cùng ngày, người đàn ông tên T gọi điện lại cho D bảo D cầm tiền ra Ngã tư đường tàu để lấy ma túy; D lấy từ Q 3.500.000đ để đi mua ma túy về cho Q; D ra đến Ngã tư đường tàu cách nhà D 500m và làm theo hướng dẫn của người đàn ông tên Tuấn, sau đó D mang về cho Tuấn một bao thuốc lá Thăng Long bên trong có một gói ma túy đá, Q xem xong rồi chuyển lại cho D nhờ D chia hộ, D lấy vỏ gói tăm bông ngoáy tai cắt lấy hai gói nhỏ và trút một phần ma túy trong gói ban đầu ra hai gói nhỏ, chia ma túy xong D đưa hết lại cho Q, Q cầm ma túy bỏ vào trong ví và để một gói ma túy đá lại giường; sau đó H lấy một ít ma túy trong gói ma túy đang ở trên giường cho vào "cóng" tự chế để Q, D, H, P và một người bạn của D tên là S ở huyện Hậu Lộc đến sau cùng sử dụng. Sau đó, Q nhờ D gọi một chiếc taxi, D gọi cho Y ở gần nhà đến đón khách, khoảng 20 phút sau xe đến, Q và H lên xe đi.

Kiểm tra điện thoại của Mai Xuân Q, trong điện thoại còn lưu nhiều cuộc gọi giữa Q với các số điện thoại 0985770128, 0966620407, 0922899618 từ ngày 30/12/2017 đến ngày 05/01/2018; cuộc gọi giữa Q với Lê Ngọc H và Lê Hữu D ngày 05/01/2018 (BL 243 -> 246).

Đối với nam thanh niên mà Lê Ngọc H gặp nhằm giao dịch mua bán ma túy vào ngày 05/01/2018, khi H và Q bị bắt người thanh niên này đã bỏ chạy. Cán bộ Trại giam Thanh Lâm đã tiến hành truy tìm người này nhưng không thấy. Q và H đều không biết tên, không quen biết người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý, khi có căn cứ sẽ tiếp tục điều tra xử lý sau.

Đối với hai người tên là Đ và T, Q khai là đã liên lạc hỏi Q để mua ma túy với Q qua điện thoại. Xác minh lời khai của Q, Cơ quan điều tra đã lấy lời khai của hai phạm nhân Nguyễn Thành Đ và Phạm Văn T, đều đang chấp hành án tại phân trại số 6 - Trại giam Thanh Lâm. Đ và T đều khai không liên lạc và không hỏi mua ma túy của Q. Vì vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với hai người này, khi có căn cứ sẽ tiếp tục điều tra xử lý sau.

Đối với người đã bán ma túy cho D, D khai chỉ biết tên là T ở thành phố Thanh Hóa. Do không có thêm thông tin gì khác nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với người này, khi có căn cứ sẽ tiếp tục điều tra xử lý sau.

Đối với Lê Văn Y, sinh năm 1993 ở thôn D, xã H, huyện S, tỉnh Thanh Hóa là người đã lái xe ô tô Kia Cerato màu đen, biển kiểm soát 36A-200.02 đưa Q và H từ nhà D đến phân trại số 6 - Trại giam Thanh Lâm. Y chỉ lái xe thuê, do không biết và Q, H cũng không nói cho Y biết việc Q, H đến phân trại số 6 - Trại giam Thanh Lâm để bán ma túy nên Y không liên quan đến hành vi phạm tội của Q và H, Cơ quan điều tra không xử lý.

Về vật chứng: 01 phong bì do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành đề chữ "Mai Xuân Q CA Như Xuân TC16", được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lưu Bình Nguyên, Đỗ Xuân Công, Lê Y Tâm và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa. Bên trong phong bì là ma túy sau giám định; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, vỏ màu vàng - trắng, đã qua sử dụng, bên trong có 01 SIM điện thoại Viettel số thuê bao 0975254584 và 01 SIM điện thoại Viettel không rõ số thuê bao là SIM và điện thoại của Q; 01 SIM điện thoại Viettel số thuê bao 0971542456 là SIM điện thoại của D; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Wing vỏ màu trắng, đã qua sử dụng, bên trong có 01 SIM điện thoại Viettel số thuê bao 0978064060 và 01 SIM điện thoại Mobiphone không rõ số thuê bao là SIM và điện thoại của H đều đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Xuân chờ xử lý.

Cáo trạng số: 18/CT-KSĐT-MT ngày 29/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân truy tố bị cáo Mai Xuân Q về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm q khoản 2 Điều 251 BLHS, truy tố Lê Ngọc H về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 BLHS, truy tố Lê Hữu D về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Mai Xuân Q, Lê Ngọc H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; bị cáo Lê Hữu D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng: Điểm q khoản 2 Điều 251; điểm s, t, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Mai Xuân Q với mức án từ 04 năm đến 05 năm tù.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Ngọc H với mức án từ 30 đến 36 tháng tù.

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Hữu D với mức án từ 18 đến 24 tháng tù.

Áp dụng: Khoản 5 Điều 251; khoản 5 Điều 249; Điều 35 của Bộ luật hình sự.

Phạt: Mai Xuân Q, Lê Ngọc H và Lê Hữu D mỗi bị cáo từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ.

Ngoài ra, Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng và đề nghị xem xét về nghĩa vụ án phí của các bị cáo.

Các bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận, chỉ xin xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Mai Xuân Q, Lê Ngọc H và Lê Hữu D đều khai nhận: Vào khoảng 17 giờ 20 phút ngày 05/01/2018, tại điểm giao cắt giữa đường Hồ Chí Minh và đường đi vào phân trại số 6 - Trại giam Thanh Lâm, thuộc thôn Thanh Niên, xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, tổ công tác của Trại giam Thanh Lâm bắt quả tang Mai Xuân Q và Lê Ngọc H đã có hành vi cất giấu 02 gói nilon chứa các hạt tinh thể màu trắng và bán 01 gói nilon chứa các hạt tinh thể màu trắng cho 01 người đàn ông lạ mặt để kiếm lời. Qua giám định xác định các hạt tinh thể màu trắng trong 03 gói nilon đã thu giữ là ma túy, có tổng trọng lượng là 1,902 gam, loại Methamphetamine. Số ma túy trên là do Lê Hữu D mua hộ cho Q vào khoảng 15 giờ 45 phút ngày 05/01/2018. D không biết mục đích Q nhờ D mua ma túy hộ để bán kiếm lời.

Lời khai nhận tội của Mai Xuân Q, Lê Ngọc H và Lê Hữu D thống nhất với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, đồng thời phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Mai Xuân Q, Lê Ngọc H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; bị cáo Lê Hữu D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Bị cáo Q là đối tượng đã tái phạm, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung hình phạt quy định tại điểm q khoản 2 Điều 251 của BLHS; tội phạm và hình phạt đối với bị cáo H được quy định tại khoản 1 Điều 251 của BLHS; đối với bị cáo D được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS.

[2] Xét tính chất của vụ án: Đây là vụ án hình sự "Mua bán trái phép chất ma túy" và "Tàng trữ trái phép chất ma túy" có tính chất rất nghiêm trọng do Mai Xuân Q, Lê Ngọc H và Lê Hữu D thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi các bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, xâm hại trật tự an toàn xã hội. Tệ nạn nghiện hút ma túy là một trong những nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh các loại tệ nạn và tội phạm nguy hiểm khác. Các bị cáo nhận thức rõ tác hại của tệ nạn ma túy và việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng do hám lợi và để thỏa mãn những dục vọng thấp hèn đã cố tình phạm tội.

[3] Về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này, các bị cáo Mai Xuân Q, Lê Ngọc H và Lê Hữu D đã cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nhưng ở dạng đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, thống nhất, phân công nhiệm vụ cụ thể. Mai

Xuân Q là đối tượng giữ vai trò chính, bị cáo là người trực tiếp liên hệ với Lê Hữu D để nhờ D mua ma túy, sau đó san nhỏ để bán kiếm lời; Lê Ngọc H là đối tượng đồng phạm tham gia một cách tích cực vào hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy", bị cáo đã nhận lời và mang ma túy đi bán hộ cho bị cáo Q. So với bị cáo Q thì vai trò của bị cáo H là hạn chế hơn; đối với Lê Hữu D, mặc dù không biết mục đích Q nhờ mua ma túy để bán kiếm lời, nhưng bị cáo đã tích cực liên hệ với người bán để mua giúp cho Q, sau đó còn giúp Q san ma túy ra làm nhiều gói nhỏ. Do đó bị cáo D phải chịu trách nhiệm về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

[4] Về nhân thân của các bị cáo: Bị cáo Lê Hữu D là đối tượng có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội; đối với Mai Xuân Q là đối tượng đã có 02 tiền án, lại tiếp tục phạm tội; Lê Ngọc H đã bị xử lý hình sự, bị cáo đã chấp hành xong bản án và đã được xóa án tích, tuy nhiên cũng cần đánh giá về nhân thân khi xử lý đối với bị cáo.

Với tính chất rất nghiêm trọng của vụ án, vai trò và nhân thân của Mai Xuân Q, Lê Ngọc H và Lê Hữu D như đã nêu trên, cần có đường lối xử phạt nghiêm minh để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung, đồng thời việc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết.

[5] Tuy nhiên, cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo: Mai Xuân Q, Lê Ngọc H và Lê Hữu D sau khi phạm tội đều đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình và đồng phạm. Đối với Mai Xuân Q, trước khi phạm tội đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm; bị cáo có bố đẻ tham gia từng tham gia kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, được nhà nước tặng huân chương kháng chiến, được Bộ Công an tặng kỷ niệm chương "Bảo vệ an ninh tổ quốc" và Bộ tư lệnh Quân khu 4 cấp giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến. Đối với Lê Ngọc H có bố mẹ đẻ từng tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam đã được tặng nhiều huân, huy chương các loại. Tình tiết giảm nhẹ TNHS áp dụng chung cho các bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS, áp dụng thêm điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS đối với bị cáo Q và khoản 2 Điều 51 của BLHS đối với bị cáo H.

Do các bị cáo có những tình tiết giảm nhẹ TNHS như đã nêu trên, khi quyết định hình phạt cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được có sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở thành những người công dân tốt. Đối với bị cáo Q, cần quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng; đối với bị cáo H cần quyết định một hình phạt ở mức khởi điểm của khung hình phạt được áp dụng là phù hợp.

Xét các bị cáo không được hưởng lợi gì, bản thân không có công ăn việc làm, thu nhập ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung "phạt tiền" cho các bị cáo.

[6] Về vật chứng:

- Đối với 1,855 gam ma túy, loại Methamphetamine (còn lại sau giám định) là vật cấm lưu hành; và 03 chiếc SIM điện thoại (thu giữ của Q và D) là vật không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với chiếc điện thoại di động Oppo đã qua sử dụng thu giữ của Q là P tiện phạm tội của bị cáo cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với chiếc điện thoại Wing đã qua sử dụng, bên trong có 01 SIM điện thoại Viettel số 0978.064.060 và 01 SIM điện thoại Mobifone thu giữ của bị cáo H, do không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo H.

[7] Về án phí:

Các bị cáo Lê Ngọc H và Lê Hữu D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Mai Xuân Q là đối tượng thuộc hộ nghèo tại địa phương. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm q khoản 2 Điều 251; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự (đối với bị cáo Q);

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự (đối với bị cáo H);

Căn cứ vào: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự (đối với bị cáo D);

Căn cứ vào: Khoản 1, điểm a khoản 2, điểm b khoản 3, Điều 106; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 (đối với bị cáo Q), điểm a khoản 1 Điều 23 (đối với bị cáo H và bị cáo D) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên bố: Bị cáo Mai Xuân Q và bị cáo Lê Ngọc H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; bị cáo Lê Hữu D phạm tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt: Bị cáo Mai Xuân Q 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/01/2018.

Xử phạt: Bị cáo Lê Ngọc H 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/01/2018.

Xử phạt: Bị cáo Lê Hữu D 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2018.

Vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 1,855g (một phẩy tám năm năm gam) ma túy, loại Methamphetamine (còn lại sau giám định) trong phong bì niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa; 02 SIM điện thoại Viettel số thuê bao 0975.254.584 và 0971.542.456, 01 SIM điện thoại Viettel không rõ số thuê bao.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo.

- Trả lại cho bị cáo Lê Ngọc H 01 chiếc điện thoại Wing, bên trong có 01 SIM điện thoại Viettel số thuê bao 0978.064.060 và 01 SIM điện thoại Mobifone không rõ số thuê bao.

Các vật chứng trên hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Xuân quản lý, theo biên bản về việc giao nhận vật chứng ngày 04/7/2018 giữa Công an huyện Như Xuân và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Xuân.

Án phí: Các bị cáo Lê Ngọc H và Lê Hữu D, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Mai Xuân Q.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND H.Như Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CQĐT H.Như Xuân;
- Chi cục THADS H.Như Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Tiến Thịnh